

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 10/2020/DS-PT
Ngày 29 - 5 - 2020
V/v tranh chấp đòi lại tiền đã
thanh toán trong hợp đồng mua
bán tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan
Ông Trần Mươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tiền đã thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2020/QĐ- PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngụy Thụy Đ, sinh năm 1968 và bà Đinh Thị V, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Thôn XH2, xã NT, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc A – sinh năm 1975, địa chỉ: Số nhà 301 đường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn ĐP, huyện ĐP (nay là tổ dân phố 6, phường NN, thị xã ĐP), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 22/18 LK, phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Tại phiên tòa, ông Ngụy Thụy Đ, ông Huỳnh Ngọc A, bà Nguyễn Thị Bích T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 07 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/07/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngụy Thụy Đ, bà Đinh Thị V và người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà V là ông Huỳnh Ngọc A trình bày:

Vợ chồng ông Ngụy Thụy Đ, bà Đinh Thị V có mối quan hệ mua bán bia với bà Nguyễn Thị Bích L, tính đến tháng 01/2019, bà L còn nợ ông Đ, bà V 3.000 thùng bia Sài Gòn Lager. Cuối tháng 01/2019, ông Đ, bà V có nhu cầu mua thêm bia để bán dịp tết nguyên đán, ông Đ, bà V thỏa thuận với bà L mua thêm 10.000 thùng bia Sài Gòn Lager. Tại thời điểm này giá thị trường 01 thùng bia Sài Gòn Lager là 216.007 đồng, để đạt được doanh số bán hàng bà L đồng ý bán cho ông Đ, bà V với giá 213.500 đồng 01 thùng bia. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/01/2019, ông Đ đến Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín rút số tiền 2.135.000.000 đồng giao trực tiếp cho bà L. Sau khi nhận tiền xong, bà L nhờ ông Đ chở đến Ngân hàng HDBank – Chi nhánh Quảng Ngãi để bà L nộp 2.110.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH MTV thương mại tổng hợp Như Quỳnh, số tiền còn lại bà L giữ. Cùng ngày 31/01/2019, xe tải của ông Đ, bà V đang đậu ở kho thương mại Bồng Sơn – Bình Định để nhận 13.000 thùng bia theo sự chỉ dẫn của bà L. Tuy nhiên, xe chờ mãi đến 16 giờ cùng ngày cũng không được nhận hàng vì chưa chuyển tiền vào tài khoản của nhà máy. Lúc này ông Đ hỏi bà L thì bà L hẹn sáng hôm sau (Ngày 01/02/2019) nhận hàng, nhưng ngày hôm sau cũng không được nhận hàng, ông Đ điện thoại cho bà L thì bà L bảo điều xe đến nhà máy bia Sài Gòn tại Quảng Ngãi để nhận hàng. Ông Đ điều 04 chiếc xe tải từ Bình Định đến nhà máy bia Sài Gòn tại Quảng Ngãi để nhận hàng, nhưng chờ mãi cũng không nhận được hàng. Trước tình hình trên, bà L bảo ông Đ chở đến Công ty thương mại Quảng Ngãi để hỏi mua bia, khi đến nơi thì bà L bỏ trốn. Đến ngày 15/02/2019, ông Đ, bà V tìm được bà L thì bà L viết giấy mượn bia số lượng 13.000 thùng bia Sài Gòn Lager, giá 216.007 đồng mỗi thùng, thành tiền 2.880.809.000 đồng, nhưng thực tế tại thời điểm mua bán bia hai bên thỏa thuận giá 213.500 đồng mỗi thùng và do có sự nhầm lẫn trong việc tính toán nên số tiền bà L ghi trong giấy mượn bia không đúng với số tiền thực tế của 13.000 thùng bia. Cùng ngày bà L giao cho ông Đ, bà V 1.000 thùng, còn nợ lại 12.000 thùng. Sau đó ông Đ, bà V yêu cầu bà L tiếp tục giao số bia còn nợ lại; ngày 18/03/2019, bà L viết giấy hẹn ông Đ, bà V ngày 21/03/2019 ra Quảng Ngãi để giải quyết số bia còn nợ. Đúng hẹn ông Đ, bà V ra Quảng Ngãi thì bà L tìm cách né tránh không giao số bia còn nợ hoặc trả tiền lại cho ông Đ, bà V.

Nay ông Đ, bà V yêu cầu bà L trả lại số tiền 2.562.000.000 đồng (Tương ứng với 12.000 thùng bia Sài Gòn Lager, theo giá 213.500 đồng mỗi thùng) và tiền lãi tính từ ngày 22/03/2019 đến ngày 22/11/2019 theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 170.800.000 đồng. Tổng cộng là 2.732.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại văn bản trình bày ngày 01/9/2019, biên bản ghi lời khai ngày 15/10/2019, ngày 01/11/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà

Nguyễn Thị Bích L và người đại diện hợp pháp của bà L là bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Ngụy Thụy Đ có quan hệ mua bán bia với nhau từ năm 2016 cho đến ngày 15/02/2019 thì chấm dứt, không còn làm ăn mua bán bia với nhau, còn bà Đinh Thị V thì không có tham gia mua bán bia với bà L. Giữa ông Đ, bà L mua bán bia với nhau là quan hệ cá nhân với cá nhân, không phải công ty, việc các bên mua bán chỉ ghi sổ không có lập hợp đồng, sau khi hai bên chấm dứt việc mua bán bia thì chưa chốt sổ, đối chiếu công nợ, nên chưa xác định được giữa ông Đ, bà L ai còn nợ ai số tiền bao nhiêu. Đến ngày 15/02/2019, ông Đ cùng hai người thanh niên đi cùng ông Đ đến nhờ bà L viết giấy mượn ông Đ, bà V 13.000 thùng bia Sài Gòn Lager, trị giá 2.880.809.000 đồng và bà L trả 1.000 thùng, còn nợ 12.000 thùng. Mục đích bà L viết giấy mượn bia là để ông Đ, bà V dùng giấy này khất nợ người khác, chứ bà L không có nợ ông Đ, bà V 13.000 thùng bia như giấy mượn bia viết ngày 15/02/2019. Do vậy, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà V.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngụy Thụy Đ và bà Đinh Thị V. Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ và bà V số tiền 2.732.800.000 đồng. Trong đó, số tiền tương ứng với 12.000 thùng bia Sài Gòn Lager là 2.562.000.000 đồng, tiền lãi là 170.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí; tuyên lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Nguyên đơn đã đặt hàng và giao tiền cho bị đơn để mua bia, nhưng bị đơn không giao bia cho nguyên đơn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên bán. Ngày 15/02/2019, bị đơn đã viết giấy nợ nguyên đơn 13.000 thùng bia Sài Gòn Lager và chỉ mới giao 1.000 thùng vào chiều ngày 15/02/2019. Sau đó bị đơn không tiếp tục giao bia cho nguyên đơn. Ngày 18/03/2019, bị đơn đã viết giấy hẹn nguyên đơn ra Quảng Ngãi để giải quyết số bia còn nợ nhưng vẫn không giải quyết. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*” là chưa đúng với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Trong vụ án này, vì bị đơn không giao đủ số lượng tài sản mua bán theo thỏa thuận nên nguyên đơn đòi lại tiền đã trả trước cho bị đơn để mua tài sản. Vì vậy, cần xác định lại là “*Tranh chấp đòi lại tiền đã thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận Giấy mượn bia ngày 15/02/2019 (Bút lục số 27) do chính bị đơn viết và chiều ngày 15/02/2019 bị đơn có giao cho nguyên đơn 1.000 thùng bia Sài Gòn Lager, sau ngày 15/02/2019 bị đơn không giao thêm bia cho nguyên đơn. Như vậy, sau khi bị đơn viết Giấy mượn bia thì chiều cùng ngày có sự kiện bị đơn giao cho nguyên đơn 1.000 thùng bia và được bị đơn viết tiếp vào giấy này là chỉ còn nợ 12.000 thùng bia, nên bị đơn trình bày Giấy mượn bia ngày 15/02/2019 không có thật, mà nguyên đơn nhờ bị đơn viết để nguyên đơn hện nợ với người khác là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn tiếp tục viết giấy ngày 18/3/2019 (Bút lục số 26) có nội dung hện gấp nguyên đơn vào ngày 21/3/2019 để giải quyết số nợ bia đã ghi giấy cho nguyên đơn, nên nếu chỉ viết Giấy mượn bia để giúp nguyên đơn hện nợ với người khác thì bị đơn sẽ không tiếp tục viết giấy ngày 13/8/2019.

[3] Căn cứ Giấy mượn bia do bị đơn viết ngày 15/02/2019, có cơ sở bị đơn đã nhận trước tiền mua bia của nguyên đơn nhưng không giao bia theo thỏa thuận, trong giấy bị đơn ghi giá bia là 216.007 đồng mỗi thùng, nhưng nguyên đơn chỉ đòi bị đơn trả lại tiền đã nhận trước của nguyên đơn theo đúng giá hai bên thỏa thuận và nguyên đơn đã giao cho bị đơn là 213.500 đồng mỗi thùng, số tiền nguyên đơn đòi bị đơn phải trả ít hơn trong giấy do bị đơn viết nên nguyên đơn không cần phải chứng minh; ngày 18/3/2019 bị đơn viết giấy hện gấp nguyên đơn vào ngày 21/3/2019 để giải quyết số nợ bia nhưng vẫn không giao bia cho nguyên đơn, khi không giao được bia thì bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền đã nhận cho nguyên đơn, bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/3/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn chưa đối chiếu nợ trong quá trình mua bán với nhau thì thấy rằng: Ngày 15/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giao nộp 03 tờ giấy và 06 cuốn sổ; ngày 21/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn để tham gia đối chất nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt (Bút lục số 222); ngày 01/11/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về nội dung của các tài liệu này, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đây là tài liệu ghi chép việc giao nhận bia giữa nguyên đơn, bị đơn nhưng không rõ giao nhận bao nhiêu bia, ai giao, ai nhận, tổng số bia nguyên đơn nhận là bao nhiêu. Vì vậy, bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để bị đơn cung cấp chứng từ đã đối chiếu nhằm chứng minh nguyên đơn nợ tiền mua bia của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp, bị đơn có chứng cứ chứng minh nguyên đơn còn nợ tiền mua bia của bị đơn trong thời

gian hai bên có quan hệ mua bán với nhau thì có quyền khởi kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí (Bút lục số 46, 282) nên được miễn toàn bộ án phí là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại 43.378.887 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004182 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ cho nguyên đơn.

[7] Về chi phí giám định: Tại Biên bản làm việc ngày 27/02/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tờ giấy ghi ngày 18/3/2019 (Bút lục số 26) không biết do ai viết và ký; nguyên đơn ông Đ khẳng định do bị đơn viết và ký, ông Đ đã yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trong tờ giấy này và trong Đơn kháng cáo của bị đơn. Kết luận giám định số 248/KLGD-PC09 ngày 16/4/2020 kết luận đúng là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Vì vậy, chi phí giám định đối với tài liệu là tờ giấy ghi ngày 18/3/2019 do bị đơn chịu, chi phí giám định chữ ký trong đơn kháng cáo của bị đơn do nguyên đơn chịu là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí giám định là 2.100.000 đồng, nguyên đơn phải chịu 1.050.000 đồng, bị đơn phải chịu 1.050.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 1.050.000 đồng.

[8] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngụy Thụy Đ và bà Đinh Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngụy Thụy Đ và bà Đinh Thị V số tiền là 2.732.800.000 đồng. Trong đó, số tiền tương ứng với 12.000 thùng bia Sài Gòn Lager là 2.562.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 22/03/2019 đến ngày 22/11/2019 với mức lãi suất 10%/năm là 170.800.000 đồng.

2. Ông Ngụy Thụy Đ và bà Đinh Thị V phải chịu 1.050.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 1.050.000 đồng tiền chi phí giám định. Ông Đ, bà V đã nộp tạm ứng 2.100.000 đồng; bà L phải hoàn trả cho ông Đ, bà V 1.050.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Bích L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Ông Nguyễn Thụy Đ và bà Đinh Thị V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại 43.378.887 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Đ, bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004182 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Mỹ Giang

TÒA

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Phạm Thị Thu Phương

Trịnh Thị Thu Lan

Lê Thị Mỹ Giang

